

Số: 1933/QĐ-ĐHNL-ĐT

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Phát triển nông thôn**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về Quy định tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ”; Được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN ngày 26/4/2012 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-ĐHTN ngày 26/8/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về công tác Quản lý đào tạo Sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-ĐHNL ngày 23/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về Quy định công tác đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-ĐHTN ngày 06/02/2017 về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ;


Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Phát triển Nông thôn (có chương trình đào tạo đính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Đại học Thái Nguyên (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT; ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. *Trần Văn Điền*



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1933/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 29 tháng 12 năm 2017)

Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	
Phần chữ	Phần số		NCS có bằng kỹ sư	NCS có bằng thạc sĩ
<b>1. Các học phần bổ sung cho NCS có bằng kỹ sư (30TC)</b>			<b>30</b>	<b>-</b>
<b>1.1. Khối kiến thức cơ sở (20 TC)</b>			<b>20</b>	<b>-</b>
<i>1.1.1. Các học phần bắt buộc (5HP - 10 TC)</i>			<i>10</i>	<i>-</i>
PRD	621	Nguyên lý phát triển nông thôn	2	-
RUS	621	Xã hội học nông thôn	2	-
SRM	621	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2	-
POA	621	Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn	2	-
COD	621	Phát triển cộng đồng	2	-
<i>1.1.2. Các học phần tự chọn (5HP/ 6HP - 10 TC)</i>			<i>10</i>	<i>-</i>
GRD	621	Giới trong phát triển nông nghiệp, nông thôn	2	-
FHD	621	Tổ chức nông dân và phát triển nguồn nhân lực	2	-
VCR	621	Phân tích các chuỗi giá trị trong phát triển nông thôn	2	-
RFA	621	Quản trị nông trại	2	-
RCF	621	Tài chính - tín dụng nông thôn	2	-
REM	621	Quản lý tài nguyên và môi trường	2	-
FSE	621	Hệ thống canh tác và khuyến nông	2	-
<b>1.2. Khối kiến thức chuyên ngành (10 TC)</b>			<b>10</b>	
<i>1.2.1. Các học phần bắt buộc (3HP - 6 TC)</i>			<i>6</i>	
RDP	621	Lập kế hoạch chiến lược phát triển nông thôn	2	-
PMD	621	Quản lý và đánh giá dự án phát triển nông thôn	2	-
ERD	621	Kinh tế phát triển nông thôn	2	-
<i>1.2.2. Các học phần tự chọn (2HP/ 4HP - 4 TC)</i>			<i>4</i>	
PAD	621	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	2	-
FSD	621	An ninh lương thực và phát triển nông thôn	2	-
PRD	621	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	-
INS	621	Kỹ năng khai thác thông tin trong phát triển nông thôn	2	-
<b>2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (8TC)</b>			<b>8</b>	<b>8</b>
<i>2.1. Các học phần bắt buộc (2HP - 4 TC)</i>			<i>4</i>	<i>4</i>



PPRD	622	Phát triển nông thôn toàn diện	2	2
PCPP	622	Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích, số liệu và trình bày, đăng báo kết quả nghiên cứu	2	2
<b>2.2. Các học phần tự chọn (chọn 2HP/ 10HP - 4TC)</b>			<b>4</b>	<b>4</b>
PMSP	622	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án dự án	2	2
PSRD	622	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn	2	2
PHTA	622	Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị trong phát triển nông thôn	2	2
PESD	622	Quản lý môi trường và phát triển bền vững	2	2
PFDF	622	Quản lý tài nguyên rừng	2	2
PCAA	622	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu	2	2
PMOD	622	Phát triển thị trường nông nghiệp	2	2
PSLL	622	Sinh kế bền vững	2	2
PNQL	622	Quản lý đầu tư công trong phát triển nông nghiệp, nông thôn	2	2
PAPC	622	Chuỗi giá trị nông sản	2	2
<b>3. Các chuyên đề: 6 tín chỉ</b>				<b>6</b>
Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ để tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài và đề xuất hướng nghiên cứu dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn				
<b>4. Bài tiểu luận tổng quan: 3 tín chỉ</b>				<b>3</b>
Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.				
<b>5. Nghiên cứu khoa học và luận án: 70 tín chỉ</b>				<b>70</b>